

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUN PA, TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2016/HNGĐ-ST
Ngày 12/4/2016

*"V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản
chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUN PA - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ksor Thiên và ông Ksor Jă.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Như Hoa-Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2016, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2015/TLST-HNGĐ, ngày 04/11/2015, về việc: “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2016/QĐST-HNGĐ, ngày 03/3/2016, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Ông Lê Quang Đ, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2015, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Vũ Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1981 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hai người đến

với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị lừa dối, ép buộc. Trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông Đ sống không có trách nhiệm với gia đình, đam mê cờ bạc, số đề thậm chí còn cầm cả sổ lương hưu để vay tiền dùng vào mục đích nêu trên. Ngoài ra ông Đ còn hay hành hạ, đánh chửi và đuổi bà ra khỏi nhà. Mặc dù bà đã nhiều lần khuyên bảo nhưng ông Đ không nghe ngược lại còn đánh đập, hành hạ bà nhiều hơn. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Quang Đ.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Th, sinh năm 1983, Lê Thị B, sinh năm 1985 và Lê Quang T, sinh năm 1992.

Các con hiện đã trưởng thành, có gia đình, công việc và tự lập được nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H khai vợ chồng có những tài sản chung như sau:

+ Đất ở: Đã được UBND huyện Ayun Pa cũ (nay là UBND thị xã Ayun Pa) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 540697, ngày 08/12/2006 đứng tên hai vợ chồng, đất tọa lạc tại địa chỉ: số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Diện tích theo giấy chứng nhận được cấp là 400m², chiều rộng 10m, chiều dài 40m, tứ cận: phía đông giáp đất ông K, phía tây giáp đất bà N, phía nam giáp đất quân sự (phi trường), phía bắc giáp đường Nay.

+ Nhà ở: Trên đất có một ngôi nhà ở loại nhà cấp 4, nhà có 02 phần nhà chính và nhà phụ, nhà chính được xây dựng từ năm 1993, đến năm 2000 xây thêm nhà phụ, tổng diện tích nhà là 97,3m².

+ Tài sản khác gồm: 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, BKS 81P1-38xxx do ông Đ đứng tên; trên đất ở có 02 dãy chuồng heo được xây dựng vào năm 2011, diện tích 65,2m² và 01 bể nước thể tích 9m³.

Bà Vũ Thị H nhất trí tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng được Hội đồng định giá xác định theo Biên bản định giá ngày 07/01/2016 là 626.862.500 đồng.

Bà Vũ Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi diện tích đất ở, nhà ở và các công trình phụ khác cho mỗi người được sử dụng một nửa. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha nếu ông Đ sử dụng thì phải thanh toán cho bà 1/2 giá trị chiếc xe.

Trong quá trình tham gia tố tụng, tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà hôn nay bị đơn là ông Lê Quang Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung ông Lê Quang Đ cũng thông nhất như bà Vũ Thị H đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2010 thì quan hệ vợ chồng có chiều hướng xấu đi vì không còn tin tưởng vào nhau, nghi kỵ nhau. Đặc biệt nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế gia đình, do vợ chồng không có tiếng nói chung, bà H là người nắm giữ tiền bạc trong gia đình nhưng việc chi tiêu có biểu hiện bất minh không rõ ràng mỗi khi ông Đ kiểm tra sổ sách thì bà H không giải trình được số tiền chi tiêu. Ngoài ra bà H còn

hay lấy có tự ý bỏ nhà đến nhà con gái sống, mỗi lần đi lại mang theo tài sản, tiền bạc trong khi đó gia đình rất khó khăn về kinh tế. Tại phiên tòa, ông Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn và hiện hai vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa nên theo yêu cầu của bà H ông Đ cũng đồng ý ly hôn.

- Về tài sản chung: Ông Đ cũng thống nhất vợ chồng có những tài sản chung như bà H đã trình bày. Ngoài ra, ông Đ khai thêm vợ chồng còn có tài sản chung khác là 1,2 sào ruộng và các khoản nợ chung của vợ chồng gồm: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã Ayun Pa số tiền 100.000.000 đồng và nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Ayun Pa số tiền 20.000.000 đồng. Ông Đ không đồng ý chia đôi tài sản chung của vợ chồng như bà H đã trình bày mà muốn để lại toàn bộ tài sản chung cho con chung là Lê Quang T.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ đi đến hôn nhân trên cơ sở tình yêu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, giữa bà H và ông Đ đã xảy ra mâu thuẫn, điều này được ông Đ và bà H thừa nhận tại phiên tòa và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn chung sống với nhau và không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Ông Đ, bà H thấy tình cảm vợ chồng không còn, gia đình không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông, bà được ly hôn với nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông Đ mâu thuẫn là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và việc thuận tình ly hôn giữa bà H và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ có 03 con chung là Lê Thị Th, sinh năm 1983, Lê Thị B, sinh năm 1985 và Lê Quang T, sinh năm 1992. Hiện các con đã trưởng thành, có gia đình, công việc và tự lập được nên bà H và ông Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ thống nhất vợ chồng có các tài sản chung như sau: Đất ở được UBND huyện Ayun Pa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 540697, ngày 08/12/2006 đứng tên hai vợ chồng; tọa lạc tại: số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 400m². Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở cấp 4, bao gồm nhà chính và nhà phụ, tổng diện tích 97,3m²; 02 dãy chuồng heo có tổng diện tích 65,2m²; 01 bể nước thể tích 9m³ và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, BKS

81P1-38xxxx. Như vậy có cơ sở xác định những tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng bà H, ông Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Quang Đ trình bày: Ngoài những tài sản chung như trên, vợ chồng còn có tài sản chung khác là 1,2 sào ruộng và các khoản nợ chung như sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai số tiền 100.000.000 đồng và nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Ayun Pa, chi nhánh tỉnh Gia Lai số tiền 20.000.000 đồng, tổng cộng 120.000.000 đồng. Tuy nhiên ông Đ không đồng ý chia đôi tài sản chung của vợ chồng. Bà Vũ Thị H trình bày 1,2 sào ruộng như ông Đ trình bày không phải là tài sản chung của vợ chồng. Còn các khoản nợ Ngân hàng như ông Đ trình bày là do ông Đ cầm sổ lương hưu để vay và sử dụng vào mục đích cá nhân nên bà không thừa nhận các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng. Xét thấy, tài sản là 1,2 sào ruộng ông Đ cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng không được bà H thừa nhận, ông Đ cũng không đưa ra được tài liệu chứng minh là tài sản chung của vợ chồng, ông Đ cũng không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng nên không có căn cứ xác định đây là tài sản chung của vợ chồng. Đối với các khoản nợ Ngân hàng, ngày 25/11/2015 Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa đã ra thông báo về việc khởi kiện gửi cho các Ngân hàng nói trên. Tại các Công văn phúc đáp của cả Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai và Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Ayun Pa, chi nhánh tỉnh Gia Lai đều xác nhận ông Lê Quang Đ là người đứng ra vay tất cả các khoản nợ nói trên để phục vụ đời sống. Tuy nhiên cả hai Ngân hàng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với các khoản nợ trên, cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận số nợ trên và giao trách nhiệm cho một người sau này có nghĩa vụ trả nợ cho các Ngân hàng nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Nếu sau này đến hạn trả nợ, căn cứ vào các hợp đồng tín dụng các Ngân hàng nêu trên có yêu cầu thì khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 07/01/2016 xác định:

+ Đất ở: Chiều rộng mặt trước của lô đất giáp chỉ giới xây dựng đường NA là 9,95m và chiều rộng mặt sau giáp đất quân sự là 10m; chiều dài của lô đất là 40m. Tổng diện tích đất tranh chấp là 399,2m², đất tọa lạc tại: số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Lô đất có tứ cận: phía đông giáp đất ông Bùi Ngọc K, phía tây giáp đất bà Hồ Thị N, phía nam giáp đất quân sự (phi trường), phía bắc giáp chỉ giới xây dựng đường NA. Trị giá đất ở: 497.500.000 đồng.

+ Nhà ở: Trên đất có một ngôi nhà ở, nhà có 02 phần nhà chính và nhà phụ. Nhà chính, kết cấu nhà ở một tầng, cấp 4, móng xây đá, tường gạch trát vữa xi măng, sơn nước, mái lợp ngói, nền láng xi măng, diện tích (7,17 x 9,4)m = 67,3m². Nhà phụ, nhà xây tạm một tầng, cấp 4, móng xây đá, tường xây gạch trát vữa xi măng, mái lợp tôn kẽm, nền láng xi măng, diện tích (2,5 x 3,4)m + (6,17 x 3,5)m = 30m². Tổng diện tích nhà là 97,3m². Tổng trị giá nhà ở là 97.294.000 đồng.

+ 02 dãy chuồng heo, kết cấu xây tường gạch dày 10cm, không tô trát, mái lợp tôn kẽm, nền láng xi măng, tổng diện tích $(2,8 \times 10)m + (4 \times 9,3)m = 65,2m^2$, tổng giá trị: 27.540.000 đồng.

+ 01 Bể nước có thể tích $(3 \times 2 \times 1,5)m = 9m^3$ có giá trị: 7.528.500 đồng.

+ 01 Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, BKS 81P1-38xxxx có giá trị: 15.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 626.862.500 đồng.

Bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ cũng thống nhất giá trị tài sản chung của vợ chồng theo như Hội đồng định giá tài sản đã xác định tổng cộng là 626.862.500 đồng nhưng không thống nhất được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Xét yêu cầu của bà Vũ Thị H về việc đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung của vợ chồng thấy rằng: Ngôi nhà chính có diện tích $7,17m \times 9,4m = 67,3m^2$ được xây dựng trên phần lớn diện tích của lô đất ở nên việc chia đôi nhà bằng hiện vật theo yêu cầu của bà H là không khả thi vì làm mất đi tính năng sử dụng, giá trị của ngôi nhà và có thể xảy ra xung đột khi hai người cùng sử dụng ngôi nhà này. Do đó cần xem xét thực tế sử dụng tài sản chung liên quan đến cuộc sống, nguyện vọng, nhu cầu sử dụng và khả năng của từng người sau khi ly hôn để quyết định giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất và các công trình phụ trên đất cho một người được quyền sở hữu, sử dụng, đồng thời người được quyền sử dụng tài sản phải có trách nhiệm thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho người không được nhận bằng hiện vật.

Xét thấy, khối tài sản chung của vợ chồng ông Đ, bà H đều có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể giá trị phần tài sản mỗi bên được nhận là tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng 626.862.500 đồng : 2 = 313.431.250 đồng . Hội đồng xét xử xét thấy cần chia tài sản cho các đương sự như sau:

- Giao cho bà Vũ Thị H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm: Đất ở có diện tích là $399,2m^2$, có chiều rộng mặt trước giáp chỉ giới xây dựng đường NA là 9,95m và chiều rộng mặt sau giáp đất quân sự là 10m; chiều dài của lô đất là 40m. Đất tọa lạc tại: số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Lô đất có tứ cận: phía đông giáp đất ông Bùi Ngọc K, phía tây giáp đất bà Hồ Thị N, phía nam giáp đất quân sự (đất phi trường), phía bắc giáp chỉ giới xây dựng đường NA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 540697 do UBND huyện Ayun Pa cấp ngày 08/12/2006. Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở cấp 4, bao gồm nhà chính và nhà phụ, tổng diện tích $97,3m^2$; 02 dãy chuồng heo có tổng diện tích $65,2m^2$ và 01 bể nước có thể tích $9m^3$.

- Giao cho ông Lê Quang Đ sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, BKS 81P1-38xxxx.

Bà Vũ Thị H có trách nhiệm trả cho ông Lê Quang Đ giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 298.431.250 đồng.

Nếu ông Lê Quang Đ có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Về chi phí định giá tài sản: Chi phí định giá tài sản là 1.800.000 đồng, bà Vũ Thị H đã nộp toàn bộ chi phí này. Do bà H và ông Đ không thống nhất với nhau về giá trị tài sản và việc chia tài sản chung của vợ chồng nên mỗi người phải chịu ½ chi phí định giá là 900.000 đồng. Do đó, ông Đ có trách nhiệm trả lại cho bà H số tiền 900.000 đồng.

Về án phí: Bà Vũ Thị H là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định là 200.000 đồng. Bà Vũ Thị H và ông Lê Quang Đ mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 15.671.562 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 27; khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 35; khoản 2 và khoản 4 Điều 131; Điều 210 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 219, Điều 223, Điều 224 và Điều 226 của Bộ luật dân sự;
- Áp dụng các Điều 33, Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 59, Điều 60, Điều 62 và Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 8 và khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị H.

1. *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Vũ Thị H với ông Lê Quang Đ.

2. *Về chia tài sản chung:*

- Giao cho bà Vũ Thị H được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản sau: Đất ở có diện tích là 399,2m², có chiều rộng mặt trước giáp chỉ giới xây dựng đường NA là 9,95m và chiều rộng mặt sau giáp đất quân sự là 10m; chiều dài của lô đất là 40m. Đất tọa lạc tại: số A, phường B, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Lô đất có tứ cận: phía đông giáp đất ông Bùi Ngọc K, phía tây giáp đất bà Hồ Thị N, phía nam giáp đất quân sự (đất phi trường), phía bắc giáp chỉ giới xây dựng đường NA theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 540697 do UBND huyện Ayun Pa cấp ngày 08/12/2006. Trên đất có một căn nhà, loại nhà ở cấp 4, bao gồm nhà chính và nhà phụ, tổng diện tích 97,3m²; 02 dãy chuồng heo có tổng diện tích 65,2m² và 01 bể nước có thể tích 9m³.

- Giao cho ông Lê Quang Đ sở hữu 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ-đen, BKS 81P1-38xxxx.

Bà Vũ Thị H có trách nhiệm trả cho ông Lê Quang Đ giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là 298.431.250 đồng.

Bà Hiền có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền làm các thủ tục để được đứng tên sử dụng đối với lô đất được giao sử dụng theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Quang Đ được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. *Về chi phí định giá tài sản:* Ông Lê Quang Đ có trách nhiệm trả lại cho bà Vũ Thị H số tiền 900.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành án xong khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự.

4. *Về án phí:* Bà Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 15.671.562 đồng, tổng cộng là 15.871.562 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 10.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001602, ngày 26/10/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Bà H còn phải nộp 5.371.562 đồng.

Ông Lê Quang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần tài sản được chia là 15.671.562 đồng.

5. *Quyền kháng cáo:* Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (12/4/2016) các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Các đương sự ;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Siu Lanh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Ksor Thiên

Ksor Jă

Siu Lanh